

Số: 75/NQ-HĐND

Cẩm Thành, ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CẨM THÀNH
KHÓA XX – KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho xã Cẩm Thành;

Xét Tờ trình số: 676/TTr-UBND ngày 20/12/2024 của UBND xã về việc đề nghị phê chuẩn phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2025, Báo cáo thẩm tra số 12/BC-BKT-XH ngày 24/12/2024 của Ban Kinh tế Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 như sau:

I. Tổng thu ngân sách Nhà nước:	34.461.706.000 đồng.
1. Tổng thu ngân sách xã:	20.076.706.000 đồng.
Trong đó:	
1.1 Các khoản thu xã hưởng 100%:	195.000.000 đồng.
1.2. Các khoản thu xã hưởng theo tỷ lệ %:	11.197.000.000 đồng.
1.3. Thu bổ sung trợ cấp cân đối:	8.684.706.000 đồng.
2. Tổng chi ngân sách xã:	20.076.706.000 đồng.
Trong đó:	
2.1 Chi đầu tư phát triển:	11.044.000.000 đồng.
2.2. Chi thường xuyên:	8.768.003.000 đồng.
2.3. Dự phòng ngân sách:	189.703.000 đồng.
2.4. Tạo nguồn chi CCTL:	75.000.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã đồng ý với các biện pháp tổ chức thực hiện và điều hành thu, chi ngân sách như Ủy ban nhân dân xã đã trình, đồng thời nhấn mạnh một số nội dung sau:

- Tăng cường công tác thu ngân sách trên các lĩnh vực. Ban TC-NS và cán bộ ủy nhiệm thu thuế phối kết hợp với các ban, ngành, đoàn thể để kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu ngân sách, chống thất thu thuế. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện tốt Luật quản lý thuế, Pháp lệnh về phí và lệ phí.

- Thực hiện quản lý và điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; nghiêm túc thực hiện chương trình phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm triệt để trên các lĩnh vực.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trong quá trình điều hành Ngân sách nếu có biến động, HĐND xã giao cho UBND xã thống nhất với Thường trực HĐND, Ban KT-XH HĐND xã để có quyết định điều chỉnh, bổ sung kịp thời và báo cáo HĐND xã vào kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND, các ban HĐND và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được HĐND xã khóa XX, kỳ họp thứ 15 thông qua vào ngày 26/12/2024 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nơi nhận:

- TTr. HĐND, UBND huyện;
- KBNN huyện Cẩm Xuyên;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy – HĐND – UBND xã;
- Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể;
- ĐB HĐND xã khóa XX;
- 9 thôn;
- Lưu : VT, TCNS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CAM THÀNH



DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

A PHẦN THU

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Dự toán huyện giao	Dự toán		Ghi chú
			Thu NSNN	Thu NSX	
A	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	17.147.000.000	25.777.000.000	11.392.000.000	
I	Các khoản thu 100%	65.000.000	195.000.000	195.000.000	
1	Phí, lệ phí	45.000.000	55.000.000	55.000.000	
	<i>Lệ phí chứng thư</i>	25.000.000	35.000.000	35.000.000	
	<i>Lệ phí muôn bài</i>	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
2	Đất công ích, đấu thầu(HLCS)		120.000.000	120.000.000	
3	Thu khác	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	17.082.000.000	25.582.000.000	11.197.000.000	
1	Thuế ngoài quốc doanh	1.785.000.000	1.785.000.000	464.500.000	
2	Lệ phí trước bạ nhà, đất	140.000.000	140.000.000	112.000.000	
3	Thuế phi nông nghiệp	44.000.000	44.000.000	44.000.000	
4	Tiền sử dụng đất	15.000.000.000	23.500.000.000	10.575.000.000	
5	Thuê mặt đất, mặt nước	5.000.000	5.000.000	1.500.000	
6	Thuế thu nhập cá nhân	108.000.000	108.000.000	0	
B	Thu bổ sung từ NS cấp trên	8.684.706.000	8.684.706.000	8.684.706.000	
1	Bổ sung cân đối	8.684.706.000	8.684.706.000	8.684.706.000	
	Tổng cộng	25.831.706.000	34.461.706.000	20.076.706.000	



B - PHẦN CHI*ĐVT: đồng*

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	20.076.706.000	
I	Chi đầu tư phát triển	11.044.000.000	
II	Chi thường xuyên	8.768.003.000	
1	Chi cho An ninh - Quốc phòng	850.299.100	
1.1	Chi cho Quốc phòng	411.219.100	
-	Các khoản Lương, PC, BH, KP công đoàn	311.219.100	
-	Kinh phí hoạt động	100.000.000	
1.2	Chi cho ngành Công an	439.080.000	
-	Hỗ trợ tổ ANTT	379.080.000	
-	Kinh phí hoạt động	60.000.000	
2	Chi sự nghiệp giáo dục	30.000.000	
3	Chi sự nghiệp y tế-Dân số	80.816.000	
-	Chi trả phụ cấp y tế thôn bản	75.816.000	
-	KP hoạt động ngành Dân số xã	5.000.000	
4	Chi sự nghiệp văn hóa - Thông tin, truyền thông	103.914.000	
-	PC PT đài phát thanh , BHXH-BHYT	53.914.000	
-	Chi hoạt động	50.000.000	
5	Chi sự nghiệp TDTT (ĐH TDTT)	94.670.000	
6	Chi sự nghiệp kinh tế, nông thôn mới	635.000.000	
-	Chi nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	355.000.000	
-	Chi xây dựng tua tuyến nông thôn mới, ocop	100.000.000	
-	Chi sự nghiệp thú y	30.000.000	
-	Chi thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	50.000.000	
-	Chi sự nghiệp môi trường	100.000.000	
7	Chi sự nghiệp xã hội	398.318.000	
-	Trợ cấp cán bộ hưu xã 130-111 và đóng BHYT	300.318.000	
-	Trợ cấp các đối tượng TNXP	18.000.000	
-	Chi hoạt động (ngày 27/7, trợ cấp khó khăn, công tác chính sách, lễ thấp hương đài liệt sỹ)	80.000.000	
8	Chi cho quản lý NN, Đảng, đoàn thể	6.472.884.900	
8.1	Chi Hội đồng nhân dân xã	498.230.600	
-	Các khoản lương, PC, BH và KP công đoàn	398.230.600	
-	Kinh phí hoạt động	100.000.000	

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
8.2	Chi cho Khối UBND xã	2.780.895.800	
-	Các khoản lương, PC, BH, KP công đoàn	1.464.245.700	
-	Chi trả phụ cấp thôn trưởng + BHYT	462.477.600	
-	KP hoạt động tổ chuyển đổi số cộng đồng	64.800.000	
-	Hợp đồng bảo vệ + dọn vệ sinh	54.000.000	
-	KP điều tra Nông nghiệp nông thôn	15.000.000	
-	Chi kiểm kê đất và lập bản đồ đất	177.525.000	
-	Chi hoạt động công đoàn cơ sở	15.000.000	
-	Chi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	10.000.000	
-	Công tác hòa giải ở cơ sở	5.000.000	
-	Tiếp nhận và xử lý đơn thư, khiếu nại	10.000.000	
-	KP đào tạo	7.000.000	
-	KP Cải cách hành chính, ISO	5.000.000	
-	Tiền điện thấp sáng	99.847.500	
-	Quỹ khen thưởng	157.200.000	
-	Kinh phí hoạt động (Tiếp khách, tiền nước sạch, hội họp, cước phí internet, sửa chữa, nước uống công sở,....)	233.800.000	
8.3	Chi cho tổ chức Đảng	1.411.324.000	
-	Các khoản phụ cấp + BHXH+BHYT	338.925.600	
-	PC Bí thư kiêm trưởng ban công tác mặt trận thôn, BHYT	687.398.400	
-	Hoạt động của các ban XD Đảng	5.000.000	
-	Kinh phí hoạt động+ Đại hội Đảng	380.000.000	
8.4	Chi cho Đoàn Thanh niên	333.284.400	
-	Lương, phụ cấp+ BHXH, BHYT, KP CĐ	301.284.400	
-	Kinh phí hoạt động Đoàn+ Đội+ĐH cháu ngoan Bác Hồ	32.000.000	
8.5	Chi cho hội phụ nữ	331.476.400	
-	Lương, phụ cấp+ BHXH, BHYT cán bộ công chức	298.476.400	
-	KP hoạt động + Ban vì sự tiến bộ phụ nữ+ hội nghị điển hình tiên tiến	33.000.000	
8.6	Chi cho hội Nông dân	295.940.400	
-	Lương, phụ cấp+ BHXH, BHYT, KP CĐ	260.940.400	
-	Kinh phí hoạt động, Hội nghị điển hình tiên tiến gđ 2020-2025,...	35.000.000	
8.7	Chi cho hội CCB	288.766.000	
-	Lương, phụ cấp+ BHXH, BHYT cán bộ công chức	273.766.000	
-	Kinh phí hoạt động	15.000.000	

1

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
8.8	Chi cho tổ chức Mặt trận	258.869.700	
-	Lương, phụ cấp+ BHXH, BHYT cán bộ công chức	118.869.700	
-	Kinh phí cụm dân cư	45.000.000	
-	Kinh phí hoạt động + KP tổ chức cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống ở KDC	50.000.000	
-	Kinh phí hoạt động Ban thanh tra ND	5.000.000	
-	Kinh phí hoạt động Ban giám sát cộng đồng	10.000.000	
-	Chi chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng	30.000.000	
8.9	Chi hỗ trợ hoạt động của các tổ chức xã hội	274.097.600	
8.9.1	Chi cho hội Người cao tuổi	196.588.000	
-	Phụ cấp CT Hội người cao tuổi; hỗ trợ chi hội hoạt động	136.188.000	
-	Kinh phí hoạt động	8.600.000	
-	KP chúc thọ, mừng thọ các cụ 70-75-80-85	51.800.000	
8.9.2	Chi hội chữ thập đỏ - NNCĐDC-TMCNKT	62.509.600	
-	Phụ cấp CT Hội chữ TĐ kiêm thủ quỹ- bur tá, BH	52.509.600	
-	Hỗ trợ hiến máu nhân đạo	5.000.000	
-	KP hoạt động	5.000.000	
8.9.3	Chi hoạt động hội khuyến học	3.000.000	
8.9.4	Chi hoạt động hội cựu giáo chức	6.600.000	
8.9.5	Chi hoạt động hội cựu thanh niên xung phong	5.400.000	
9	Chi khác ngân sách	102.101.000	
III	Chi dự phòng ngân sách	189.703.000	
IV	Tạo nguồn chi cải cách tiền lương	75.000.000	

